

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên
2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Sê T, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Lâm Kim B, sinh năm 1984 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thạch Thị Sê T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lâm Kim B xác lập hôn nhân, tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán và cùng đi đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh B không lo làm ăn mà chỉ đi chơi và rượu chè, về nhà nóng nảy cộc cằn chửi mắng nên xảy ra cãi vã, anh B đánh đập vợ con và gây mất trật tự, chính quyền địa phương mời làm việc thì anh B cam kết nhưng sau đó vẫn tính nào tật ấy, ngày càng bạo hành nhiều hơn, đến năm 2015 bỏ nhà đi và không

còn sống chung đến nay, không liên lạc, không có giải pháp đoàn tụ với nhau, tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Kim B.

- *Về nuôi con tên:* Lâm Thị Mỹ H, sinh ngày 09/01/2006 và Lâm Kim P, sinh ngày 23/8/2013, hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lâm Kim B là bị đơn trong vụ án vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- *Về hôn nhân:* Chị Sê T và anh B xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị Sê T và anh B đều có yêu cầu xin được ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con tên:* Lâm Thị Mỹ H, sinh ngày 09/01/2006 và Lâm Kim P, sinh ngày 23/8/2013, hiện con đang sống với chị Sê T, chị Sê T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con, anh B đồng ý theo yêu cầu chị Sê T.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị Sê T và anh B không tranh chấp, không khởi kiện.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sê T, xử cho chị Sê T được ly hôn với anh B, giao con cho chị Sê T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung Lâm Thị Mỹ H, sinh ngày 09/01/2006 và Lâm Kim P, sinh ngày 23/8/2013. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, đề nghị miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho chị Sê T do có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc diện hộ cận nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Lâm Kim B là bị đơn trong vụ án, vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Sê T khởi kiện anh B yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh B, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị Sê T và anh B xác lập hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Chị Sê T khai*: Quá trình chung sống anh B thường xuyên rượu chè về đánh đập chị, dẫn đến mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2015 đến nay, mạnh ai nấy sống, không có liên lạc nhau nên tình cảm không còn.

- *Tại phiên tòa anh B vắng mặt. Tuy nhiên tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2022, anh B khai*: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau, sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2015 đến nay, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị Sê T.

Xét thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị Sê T và anh B đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, trong thời gian này chị Sê T và anh B không tạo điều kiện gặp nhau để trao đổi hàn gắn đoàn tụ gia đình dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặt khác anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng xin được ly hôn với nhau. Từ đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Sê T và anh B không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sê T, xử cho chị Sê T được ly hôn với anh B là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*: Xét thấy chị Sê T và anh B chung sống có 02 người con tên Lâm Thị Mỹ H, sinh ngày 09/01/2006 và Lâm Kim P, sinh ngày 23/8/2013. Từ khi ly thân đến nay, con sống với chị Sê T và được chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường. Tại phiên tòa chị Sê T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con khi ly hôn là phù hợp với ý kiến của anh B thể hiện qua lời khai đề ngày 06/4/2022 là đồng ý giao con cho chị Sê T nuôi dưỡng. Mỹ Hạnh và Kim Phúc cùng có nguyện vọng sống với chị Sê T. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao Mỹ Hạnh và Kim Phúc cho chị Sê T được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Sê T và anh B không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Thạch Thị Sê T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tuy nhiên chị Sê T có đơn xin miễn nộp tiền án phí do thuộc diện hộ cận nghèo. Căn cứ các Điều 12, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí cho chị Sê T.

[5] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đề nghị như nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Sê T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Thạch Thị Sê T được ly hôn với anh Lâm Kim B.

- *Về nuôi con:* Chị Lâm Kim B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lâm Thị Mỹ H, sinh ngày 09/01/2006 và Lâm Kim P, sinh ngày 23/8/2013 khi ly hôn.

Anh Lâm Kim B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí:* Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn cho chị Thạch Thị Sê T.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Thạch Thị Sê T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lâm Kim B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đăng

